

Họ và tên:.....

Ngày.....tháng.....năm.....



PHIẾU ÔN TẬP SỐ 01

Phần I: Trắc nghiệm

Bài 1: Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

- a) Trong các số sau số nào chia hết cho cả 2; 3; 5 và 9?
 A. 3456 B. 52740 C. 12890 D. 69731
- b) Số nào chia hết cho 3 mà không chia hết cho 9?
 A. 1230 B. 81180 C. 54725 D. 20105
- c) Cho các số: 9540; 8975; 7820; 8765. Số nào chia hết cho cả 5 và 9?
 A. 7820 B. 9540 C. 8975 D. 8765
- d) Số nhỏ nhất có 3 chữ số chia hết cho cả 2 và 3 là:
 A. 100 B. 101 C. 111 D. 102

Bài 2: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

- a) 5414kg = tấn kg e) $\frac{1}{4}$ thế kỉ = năm
- b) 180 phút = giờ g) $2\text{km}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$
- c) $35\,000\,000\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{km}^2$
- d) 2 tạ 7kg = kg

Phần II: Tự luận

Bài 3: Đặt tính rồi tính:

a) $37218 + 10909$	b) $67890 - 4321$	c) 345×207	d) $3192 : 24$
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 4: Tìm y , biết:

a) $y : 123 = 34$ (dư 19)

b) $(y - 246) : 65 = 71$

.....
.....
.....
.....

.....
.....
.....
.....

Bài 5: Một mảnh rừng hình bình hành có độ dài đáy là 46km, chiều cao kém độ dài đáy là 4km. Tính diện tích mảnh rừng đó.

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 6: Tìm một số có hai chữ số, biết rằng số đó chia cho 2 dư 1, chia cho 5 dư 2 và chia hết cho 9.

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Họ và tên:.....

Ngày.....tháng.....năm.....



PHIẾU ÔN TẬP SỐ 02

Phần I: Trắc nghiệm

Bài 1: Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng:

a) Phân số chỉ phần được tô màu trên băng giấy là:



- A. $\frac{2}{7}$ B. $\frac{3}{7}$ C. $\frac{4}{7}$ D. $\frac{1}{7}$

b) Số 5 có thể viết dưới dạng phân số là:

- A. $\frac{1}{5}$ B. $\frac{5}{1}$ C. $\frac{10}{50}$ D. $\frac{11}{5}$

c) Ba phân số bằng nhau là:

- A. $\frac{1}{3}; \frac{2}{6}; \frac{3}{6}$ B. $\frac{2}{4}; \frac{4}{8}; \frac{8}{32}$ C. $\frac{4}{3}; \frac{8}{6}; \frac{16}{6}$ D. $\frac{4}{16}; \frac{2}{8}; \frac{3}{12}$

d) Một hình bình hành có độ dài đáy là 1dm 8cm, chiều cao bằng $\frac{2}{3}$ độ dài đáy.

Vậy diện tích hình bình hành đó là:

- A. 216cm^2 B. 108cm^2 C. 60cm^2 D. 486cm^2

Phần II: Tự luận

Bài 2: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) $\frac{42}{54} = \frac{14}{\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{9}$

b) $\frac{4}{7} = \frac{8}{\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{21} = \frac{20}{\dots\dots}$

Bài 3: Tìm phân số tối giản của các phân số sau:

a) $\frac{54}{18} = \dots\dots\dots$

b) $\frac{72}{56} = \dots\dots\dots$

c) $\frac{23}{69} = \dots\dots\dots$

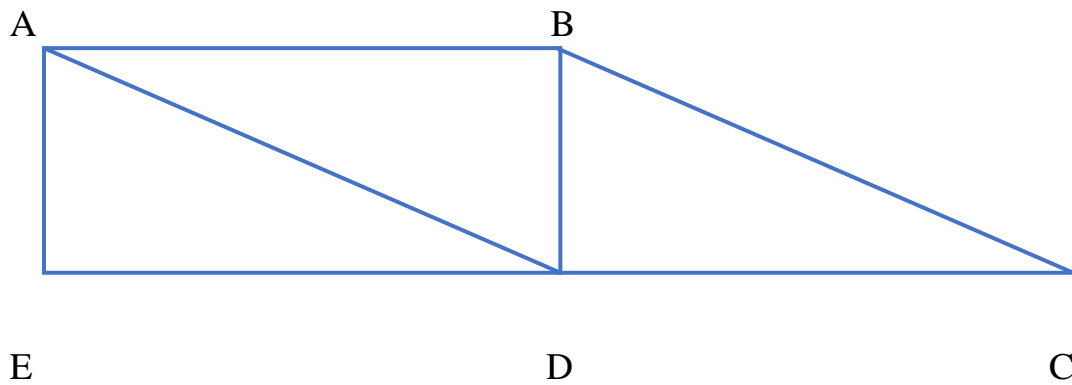
d) $\frac{42}{84} = \dots\dots\dots$

Bài 4: Hãy viết tất cả các phân số có tử số bằng 5; có mẫu số nhỏ hơn 30 và chia hết cho cả 2 và 3.

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 5: So sánh diện tích của hình chữ nhật ABDE và hình bình hành ABCD, biết $AB = 12\text{cm}$; $BD = 8\text{cm}$; $AB = CD$.



Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 6: Tìm một phân số có tổng của tử số và mẫu số bằng 14, tử số kém mẫu số 4 đơn vị.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên:.....

Ngày.....tháng.....năm.....



PHIẾU ÔN TẬP SỐ 03

Phần I: Trắc nghiệm

Bài 1: Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng:

a) Quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{3}{7}$ và $\frac{5}{9}$ ta được hai phân số:

A. $\frac{3}{7}$ và $\frac{5}{9}$

B. $\frac{21}{49}$ và $\frac{45}{81}$

C. $\frac{27}{63}$ và $\frac{35}{63}$

D. $\frac{9}{21}$ và $\frac{25}{45}$

b) Mẫu số chung nhỏ nhất của hai phân số $\frac{5}{12}$ và $\frac{3}{16}$ là:

A. 96

B. 48

C. 24

D. 32

c) Rút gọn phân số $\frac{108}{216}$ ta được phân số tối giản là:

A. $\frac{54}{108}$

B. $\frac{27}{54}$

C. $\frac{36}{72}$

D. $\frac{1}{2}$

d) Viết $\frac{4}{5}$ và 3 thành hai phân số có mẫu số là 15 ta được:

A. $\frac{4}{15}$ và $\frac{3}{15}$

B. $\frac{12}{15}$ và $\frac{45}{15}$

C. $\frac{7}{15}$ và $\frac{45}{15}$

D. $\frac{4}{15}$ và $\frac{8}{15}$

Phần II: Tự luận

Bài 2: Quy đồng mẫu số các phân số sau:

a) $\frac{3}{7}$ và $\frac{4}{9}$

b) $\frac{5}{8}$; $\frac{7}{12}$ và $\frac{3}{4}$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3: Tính nhanh giá trị của các biểu thức:

a) $\frac{5 \times 7 \times 8 \times 9 \times 10}{7 \times 8 \times 9 \times 10 \times 11} = \dots\dots\dots$

b) $\frac{9 \times 25 \times 4 \times 2}{10 \times 3 \times 20 \times 3} = \dots\dots\dots$

c) $\frac{23 \times 17 + 23 \times 9}{46 \times 13 + 46 \times 3} = \dots\dots\dots$

Bài 4: a) Viết 5 phân số bằng phân số $\frac{5}{7}$.

.....

b) Viết phân số bằng phân số $\frac{15}{18}$ và có mẫu số là 24.

.....

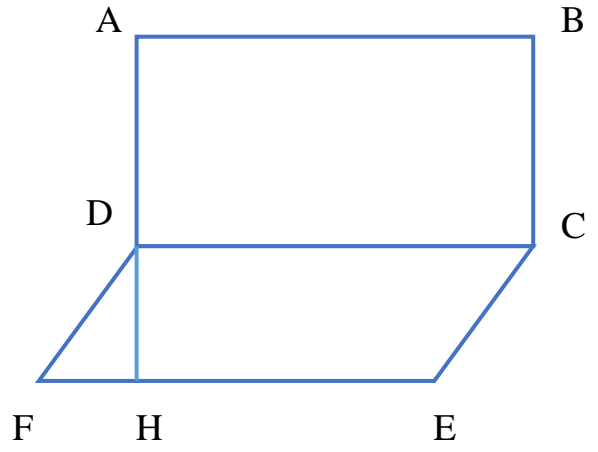
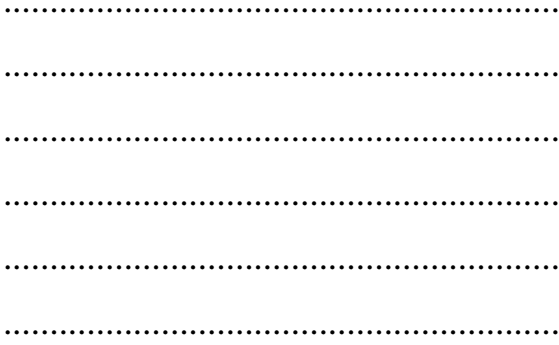
Bài 5: Một kho gạo có 32 465kg gạo. Lần đầu người ta chuyển đi $\frac{1}{5}$ số gạo. Lần thứ hai chuyển đi gấp 3 lần đầu. Hỏi sau hai lần chuyển trong kho còn lại bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 6: Cho hình vẽ sau: gồm hình chữ nhật ABCD và hình bình hành DCEF. Biết $AB = 25\text{cm}$, chiều rộng hình chữ nhật AD bằng chiều cao DH của hình bình hành và bằng 18cm, cạnh bên CE của hình bình hành bằng 20cm. Tính chu vi và diện tích hình ABCEFD.

Bài giải



Họ và tên:.....

Ngày.....tháng.....năm.....



PHIẾU ÔN TẬP SỐ 04

Phần I: Trắc nghiệm

Bài 1: Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

a) Cho các phân số $\frac{2}{3}; \frac{3}{5}; \frac{6}{7}; \frac{9}{4}$. Có bao nhiêu phân số nhỏ hơn 1?

A. 4 phân số B. 3 phân số C. 2 phân số D. 1 phân số

b) Cho các phân số $\frac{3}{2}; \frac{5}{6}; \frac{6}{5}; \frac{12}{7}$. Có bao nhiêu phân số lớn hơn 1?

A. 4 phân số B. 3 phân số C. 2 phân số D. 1 phân số

c) Tìm phân số lớn nhất trong các phân số sau: $\frac{13}{19}; \frac{5}{3}; \frac{5}{4}; \frac{14}{19}$.

A. $\frac{13}{19}$ B. $\frac{5}{3}$ C. $\frac{5}{4}$ D. $\frac{14}{19}$

d) Tìm phân số nhỏ nhất trong các phân số sau: $\frac{1}{9}; \frac{15}{7}; \frac{2}{9}; \frac{1}{11}$.

A. $\frac{1}{9}$ B. $\frac{15}{7}$ C. $\frac{2}{9}$ D. $\frac{1}{11}$

Bài 2: Điền dấu >; <; = thích hợp vào chỗ chấm:

a) $\frac{4}{5} \dots \frac{3}{5}$ b) $\frac{11}{7} \dots \frac{11}{8}$ c) $\frac{2007}{2008} \dots \frac{2008}{2008}$ d) $\frac{27}{20} \dots 1$

e) $\frac{2}{3} \dots \frac{3}{4}$ g) $\frac{3}{8} \dots \frac{9}{24}$ h) $\frac{7}{9} \dots \frac{5}{7}$ i) $\frac{9}{7} \dots \frac{7}{9}$

Phần II: Tự luận

Bài 3: Sắp xếp các phân số: $\frac{3}{5}; \frac{4}{5}; \frac{5}{12}; \frac{5}{11}$ theo thứ tự từ bé đến lớn.

.....

Bài 4: Tính nhanh giá trị của các biểu thức:

a) $\frac{3 \times 145 + 3 \times 55}{6 \times 115 + 6 \times 85} = \dots\dots\dots$

b) $\frac{12 \times 45 \times 36 \times 16}{24 \times 72 \times 15 \times 48} = \dots\dots\dots$

Bài 5: Tìm x biết:

a) $\frac{x-12}{5} = \frac{36}{45}$

b) $\frac{7}{x+2} = \frac{28}{36}$

.....
.....
.....

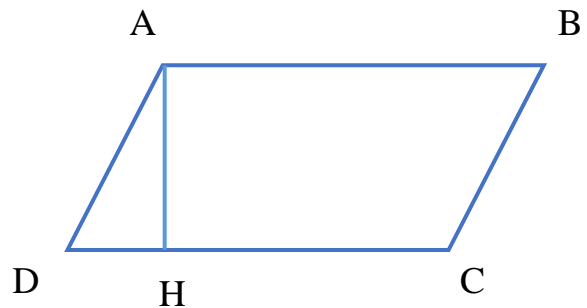
.....
.....
.....

Bài 6: Cho hình bình hành ABCD có

AB = 14cm; BC = 6cm; chiều cao

AH = 4cm. Tính chu vi và diện tích

hình bình hành ABCD.



Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Họ và tên:.....

Ngày.....tháng.....năm.....



PHIẾU ÔN TẬP SỐ 05

Phần I: Trắc nghiệm

Bài 1: Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng:

a) Kết quả phép tính $\frac{3}{7} + \frac{5}{7}$ là:

A. $\frac{8}{14}$

B. $\frac{4}{7}$

C. $\frac{7}{8}$

D. $\frac{8}{7}$

b) Kết quả phép tính $\frac{3}{5} + \frac{2}{9}$ là:

A. $\frac{37}{45}$

B. $\frac{5}{14}$

C. $\frac{37}{14}$

D. $\frac{5}{45}$

c) Tìm x biết $x - \frac{1}{2} = \frac{1}{3}$. Vậy x là:

A. $\frac{2}{5}$

B. $\frac{5}{6}$

C. $\frac{1}{6}$

D. $\frac{1}{5}$

d) Cửa hàng bán vải, trong buổi sáng bán được $\frac{2}{5}$ tấm vải. Buổi chiều bán được

$\frac{1}{3}$ tấm vải. Hỏi cả hai buổi cửa hàng bán được bao nhiêu phần của tấm vải?

A. $\frac{3}{8}$ tấm vải

B. $\frac{11}{5}$ tấm vải

C. $\frac{11}{15}$ tấm vải

D. $\frac{3}{15}$ tấm vải

Bài 2: Nối phép tính với kết quả đúng:

$$\frac{36}{39} + \frac{11}{13}$$

$$\frac{5}{4} + \frac{7}{12}$$

$$\frac{1}{3} + 4$$

$$\frac{1}{2} + \frac{1}{6} + \frac{2}{3}$$

$$\frac{11}{6}$$

$$\frac{23}{13}$$

$$\frac{4}{3}$$

$$\frac{13}{3}$$

Phần II: Tự luận

Bài 3: Tính:

a) $\frac{11}{15} + \frac{6}{5} =$

b) $\frac{5}{9} + \frac{2}{3} + \frac{1}{2} =$

Bài 4: Sau khi bớt ở phân số thứ nhất đi $\frac{3}{8}$ thì tổng của hai phân số là $\frac{5}{7}$. Tính tổng của hai phân số ban đầu.

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 5: Cho phân số $\frac{53}{90}$. Tìm số tự nhiên m, biết rằng khi bớt m ở tử số và giữ nguyên mẫu số của phân số đã cho ta được phân số mới có giá trị bằng $\frac{5}{9}$.

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 6: So sánh hai phân số:

a) $\frac{21}{35}$ và $\frac{16}{20}$

.....

.....

.....

b) $\frac{219}{335}$ và $\frac{335}{219}$

.....

.....

.....

c) $\frac{18}{19}$ và $\frac{1818}{1919}$

.....

.....

.....

Họ và tên:.....

Ngày.....tháng.....năm.....



PHIẾU ÔN TẬP SỐ 06

Phần I: Trắc nghiệm

Bài 1: Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng:

a) $\frac{3}{7} + 2$ bằng:

A. $\frac{2}{9}$

B. $\frac{17}{7}$

C. $\frac{17}{14}$

D. $\frac{5}{7}$

b) Kết quả của phép tính $\frac{3}{8} + \frac{18}{5} + 4$ bằng:

A. $\frac{164}{40}$

B. $\frac{159}{40}$

C. $\frac{319}{40}$

D. $\frac{219}{40}$

c) Kết quả của phép tính $\frac{8}{3} - \frac{1}{2} - 1$ bằng:

A. $\frac{7}{6}$

B. 2

C. $\frac{13}{6}$

D. $\frac{11}{6}$

d) Một hình chữ nhật có chiều rộng là $\frac{5}{8}$ m, chiều dài hơn chiều rộng là 1m.

Tính nửa chu vi của hình chữ nhật đó.

A. $\frac{13}{8}$ m

B. $\frac{13}{4}$ m

C. $\frac{15}{8}$ m

D. $\frac{9}{4}$ m

Phần II: Tự luận

Bài 2: Tính:

a) $\frac{9}{8} - \frac{5}{6}$

c) $\frac{37}{45} - \frac{2}{9}$

b) $2 - \frac{3}{8}$

d) $\frac{1}{2} + \frac{3}{7} + \frac{11}{14}$

Bài 3: Tìm x:

a) $\frac{23}{69} - x = \frac{17}{153}$

b) $\frac{1313}{2828} + x = \frac{2323}{4646}$

.....
.....
.....
.....
.....

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 4: Một cửa hàng buổi sáng bán được $\frac{1}{5}$ số gạo. Buổi chiều bán được $\frac{1}{6}$ số gạo.

Hỏi buổi sáng cửa hàng bán được nhiều hơn buổi chiều bao nhiêu phần số gạo?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 5: Một bể đang cạn hết nước. Nếu mở hai vòi cùng chảy vào bể thì sau 4 giờ đầy bể. Nếu riêng vòi thứ nhất chảy vào bể thì sau 6 giờ đầy bể. Hỏi nếu riêng vòi thứ hai chảy vào bể thì sau mấy giờ sẽ đầy bể?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

.....
.....
.....

Bài 6: Tính bằng cách thuận tiện nhất.

a) $\frac{637 \times 527 - 189}{637 \times 526 + 448}$

.....
.....
.....
.....
.....

b) $\frac{1}{2 \times 3} + \frac{1}{3 \times 4} + \frac{1}{4 \times 5} + \frac{1}{5 \times 6} + \frac{1}{6 \times 7}$

.....
.....
.....
.....
.....

Họ và tên:.....

Ngày.....tháng.....năm.....



PHIẾU ÔN TẬP SỐ 07

Phần I: Trắc nghiệm

Bài 1: Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng:

a) Kết quả của phép tính $\frac{8}{9} \times \frac{3}{4}$ là:

A. $\frac{11}{13}$

B. $\frac{3}{2}$

C. $\frac{2}{3}$

D. $\frac{11}{36}$

b) Kết quả của phép tính $\frac{8}{9} \times \frac{3}{4} + \frac{5}{2}$ bằng:

A. $\frac{19}{6}$

B. 3

C. $\frac{18}{6}$

D. $\frac{104}{36}$

c) Chọn câu trả lời đúng $\frac{2}{9} : \frac{3}{4}$ bằng:

A. $\frac{1}{6}$

B. $\frac{5}{13}$

C. $\frac{8}{27}$

D. $\frac{27}{8}$

d) Trong kho có $\frac{3}{2}$ tấn thóc. Người ta lấy ra $\frac{4}{5}$ số thóc đó. Hỏi số tấn thóc người ta đã lấy ra là bao nhiêu?

A. $\frac{5}{6}$ tấn

B. $\frac{6}{5}$ tấn

C. $\frac{3}{2}$ tấn

D. $\frac{7}{10}$ tấn

Phần II: Tự luận

Bài 2: Tìm x :

a) $x \times \frac{9}{5} = \frac{6}{11}$

.....

b) $x : 4 = \frac{2}{7}$

.....

Bài 3: Tính nhanh:

a) $\frac{12}{9} \times \frac{3}{6} \times \frac{27}{15}$

b) $\frac{9}{11} : \frac{7}{3} + \frac{9}{11} : \frac{7}{4}$

.....
.....
.....

.....
.....
.....

Bài 4: Đàn gà có 24 con, trong đó có $\frac{7}{12}$ số gà là gà trống. Hỏi:

- a) Số gà mái chiếm bao nhiêu phần của cả đàn?
- b) Có bao nhiêu con gà mái trong đàn gà?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 5: Một người mang trứng ra chợ bán. Nếu người đó bán $\frac{2}{5}$ số trứng thì còn lại 30 quả. Hỏi người đó đã mang ra chợ bao nhiêu quả trứng?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 6: Một cửa hàng lương thực buổi sáng bán được $\frac{3}{5}$ tổng số gạo, buổi chiều bán được $\frac{2}{7}$ tổng số gạo. Tính ra buổi sáng cửa hàng bán hơn buổi chiều là 77kg gạo. Hỏi cửa hàng đó có bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên:.....

Ngày.....tháng.....năm.....



PHIẾU ÔN TẬP SỐ 08

Phần I: Trắc nghiệm

Bài 1: Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng:

a) Tính: $\frac{12}{5} \times 15 : \frac{1}{18}$

A. $\frac{2}{9}$

B. $\frac{9}{2}$

C. $\frac{1}{648}$

D. 648

b) Một hình chữ nhật có chiều dài bằng $\frac{13}{7}$ m và chiều rộng bằng $\frac{14}{26}$ m. Tính diện tích hình chữ nhật đó.

A. 2m

B. $2m^2$

C. $1m^2$

D. $4m^2$

c) Một hình bình hành có diện tích bằng $\frac{3}{2} m^2$ và chiều dài đáy bằng $\frac{3}{4}$ cm.

Tính chiều cao của hình bình hành đó.

A. 2cm

B. 4cm

C. $\frac{9}{8} cm^2$

D. $\frac{9}{4} cm$

d) Tổng 2 số là $\frac{1}{2}$. Hiệu 2 số là $\frac{3}{8}$. Tìm số bé.

A. $\frac{1}{8}$

B. 2

C. $\frac{1}{16}$

D. 16

Phần II: Tự luận

Bài 2: Tính:

a) $\frac{3}{10} + \frac{2}{5} : \frac{4}{15}$

.....

.....

.....

b) $\frac{6}{7} \times 3 - \frac{2}{3} \times 3$

.....

.....

.....

Bài 3: Tìm số tự nhiên x biết:

a) $\frac{3}{5} : \frac{7}{x} : \frac{3}{4} = \frac{8}{35}$

b) $x < \frac{7}{12} : \frac{4}{5}$

.....
.....
.....

.....
.....
.....

Bài 4: Người ta cắt lấy $\frac{2}{5}$ tấm vải thì còn lại 15m. Hỏi lúc đầu tấm vải đó dài bao nhiêu mét?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 5: Người bán hàng có một bao gạo, lần đầu bán 3kg gạo, lần sau bán $\frac{2}{11}$ số gạo còn lại. Sau hai lần bán, trong bao còn lại 18kg. Hỏi lúc đầu bao gạo có bao nhiêu ki-lô-gam?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 6: Một cửa hàng có 60 chiếc xe máy. Buổi sáng bán được $\frac{3}{20}$ số xe máy đó, buổi chiều bán được $\frac{2}{17}$ số xe máy còn lại. Hỏi cả hai buổi cửa hàng bán được bao nhiêu chiếc xe máy?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên:.....

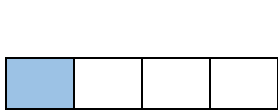
Ngày.....tháng.....năm.....



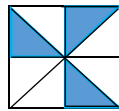
PHIẾU ÔN TẬP SỐ 09

Phần I: Trắc nghiệm

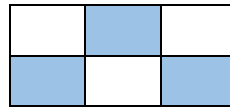
Bài 1: Khoanh tròn vào chữ cái dưới hình có phần tô đậm bằng $\frac{1}{2}$ hình đó.



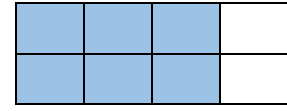
A



B



C



D

Bài 2: Điền vào chỗ trống: $6\text{km}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$

Bài 3: Phân số lớn nhất trong các phân số $\frac{3}{4}; \frac{7}{7}; \frac{3}{2}; \frac{4}{3}$ là:

A. $\frac{3}{4}$

B. $\frac{7}{7}$

C. $\frac{3}{2}$

D. $\frac{4}{3}$

Bài 4: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

a) Hình bình hành có một cặp đối diện không bằng nhau.

b) Hình bình hành có hai cặp cạnh đối diện song song và bằng nhau.

Bài 5: Có $1 > \frac{9}{x} > \frac{9}{11}$ với x là số tự nhiên khác 0. Giá trị của x là:

Phần II: Tự luận

Bài 6: Tính giá trị biểu thức:

a) $\frac{2}{3} - \frac{8}{15} = \dots\dots\dots$

b) $\frac{1}{5} : 5 = \dots\dots\dots$

c) $\frac{5}{2} + \frac{1}{4} \times \frac{1}{8} = \dots\dots\dots$

Bài 7: Tìm x , biết: $\frac{5}{7} : x = 4$

.....
.....
.....

Bài 8: Một cửa hàng ban đầu có 75 tạ gạo, cửa hàng đã bán được $\frac{2}{5}$ số gạo đó. Hỏi cửa hàng đã bán được bao nhiêu tấn gạo?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 9: Tính bằng cách thuận tiện:

$$\frac{3}{7} + \frac{4}{9} + \frac{4}{7} + \frac{5}{9}$$

.....
.....
.....
.....
.....

Họ và tên:.....

Ngày.....tháng.....năm.....



PHIẾU ÔN TẬP SỐ 10

Phần I: Trắc nghiệm

Bài 1: Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng:

a) Một lớp học có 30 học sinh, trong đó có 16 em nam. Tỉ số học sinh nam và nữ của lớp đó là:

- A. $\frac{16}{30}$ B. $\frac{14}{30}$ C. $\frac{14}{16}$ D. $\frac{8}{7}$

b) Tổng hai số là 45. Tỉ số của hai số là $\frac{1}{4}$. Hai số đó là:

- A. 45 và 4 B. 4 và 25 C. 9 và 36 D. 15 và 60

c) An và Bình có tất cả 28 con tem. Nếu An cho Bình 2 con tem thì số tem của An bằng $\frac{3}{4}$ số tem của Bình. Số tem của An và Bình lần lượt là:

- A. 12 và 16 B. 14 và 14 C. 16 và 12 D. 28 và 7

d) Một cửa hàng gạo bán được 30kg gạo. Tính ra cửa hàng đã bán được $\frac{2}{3}$ bao gạo. Hỏi bao gạo đó có bao nhiêu ki-lô-gam?

- A. 45kg B. 20kg C. 30kg D. 18kg

Phần II: Tự luận

Bài 2: Trên bãi cỏ có 20 con trâu và 11 con bò.

a) Viết tỉ số của số bò và số trâu

b) Viết tỉ số của số trâu so với tổng số trâu và bò có trên bãi cỏ.....

Bài 3: Đội văn nghệ của trường có 30 học sinh nữ. Số học sinh nữ đó chiếm $\frac{2}{3}$ số học sinh của cả đội văn nghệ. Hỏi đội văn nghệ của trường có bao nhiêu học sinh nam?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4: Trung bình cộng của hai số là 105. Tỉ số của hai số là $\frac{5}{2}$. Tìm hai số đó.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 5: Năm nay tổng số tuổi của mẹ và con là 36 tuổi. Sau hai năm nữa, tuổi mẹ sẽ gấp 4 lần tuổi con. Hỏi năm nay mẹ bao nhiêu tuổi, con bao nhiêu tuổi?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 6: Cho ba số có trung bình cộng bằng 91. Số thứ nhất gấp đôi số thứ hai. Số thứ hai gấp đôi số thứ ba. Tìm ba số đó.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên:.....

Ngày.....tháng.....năm.....



PHIẾU ÔN TẬP SỐ 11

Phần I: Trắc nghiệm

Bài 1: Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng:

a) Hiệu của hai số bằng 12. Tỉ số của hai số đó là $\frac{2}{3}$. Khi đó số bé được tính như sau:

A. $12 : (2 + 3) \times 2$

C. $12 : (3 - 2) \times 2$

B. $12 : (2 + 3) \times 3$

D. $12 : (3 - 2) \times 3$

b) Cho số có hai chữ số mà tổng hai chữ số bằng 12 và chữ số hàng chục gấp 3 lần chữ số hàng đơn vị. Vậy số đó là:

A. 39

B. 93

C. 26

D. 62

c) Hiệu hai số bằng số lớn nhất có 2 chữ số. Tỉ số của hai số đó là $\frac{4}{7}$. Vậy hai số đó là:

A. 4 và 7

B. 36 và 231

C. 123 và 63

D. 132 và 231

d) Ngày thứ nhất An đọc $\frac{1}{4}$ quyển sách. Ngày thứ hai An đọc tiếp $\frac{3}{8}$ số trang còn lại của quyển sách đó. Số trang sách còn lại chưa đọc là 45 trang. Hỏi quyển sách An đã đọc dày bao nhiêu trang?

A. 120 trang

B. 96 trang

C. 180 trang

D. 72 trang

Phần II: Tự luận

Bài 2: Tính giá trị biểu thức:

a) $\frac{3}{4} \times (\frac{2}{5} - \frac{1}{6})$

.....
.....
.....

b) $\frac{4}{5} + \frac{1}{5} : \frac{2}{3}$

.....
.....
.....

Bài 3: Tính nhanh:

a) $\frac{11}{9} - (\frac{2}{9} - \frac{2}{11})$

.....
.....
.....
.....

b) $\frac{2005 \times 2006 + 6}{2005 \times 2005 + 2011}$

.....
.....
.....
.....

Bài 4: Một hình chữ nhật có chu vi là 70m. Tính diện tích hình chữ nhật đó, biết chiều rộng bằng $\frac{1}{4}$ chiều dài.

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 5: Tổng hai số là 231. Nếu viết thêm một chữ số 0 vào bên phải số thứ nhất thì được số thứ hai. Tìm hai số đó.

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 6: Hiện nay ông hơn Tuấn 63 tuổi và tuổi ông gấp 8 lần tuổi Tuấn. Hỏi sau bao nhiêu năm nữa thì Tuấn được mừng thọ ông 80 tuổi?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên:.....

Ngày.....tháng.....năm.....



PHIẾU ÔN TẬP SỐ 12

Phần I: Trắc nghiệm

Bài 1: Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

- a) Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 100000, khoảng cách từ A đến B đo được 12cm. Như vậy, độ dài thật từ A đến B là bao nhiêu?
A. 12000m B. 120000cm C. 12000dm D. 12000000cm
- b) Quãng đường Hà Nội – Thanh Hoá dài 150km. Trên bản đồ tỉ lệ 1: 1000000. Quãng đường đó dài bao nhiêu mi-li-mét?
A. 15mm B. 150mm C. 1500mm D. 150000mm
- c) Một mảnh đất trồng hoa hình vuông có diện tích $100m^2$ được vẽ trên bản đồ tỉ lệ 1 : 500. Hỏi trên bản đồ, độ dài thu nhỏ cạnh hình vuông là bao nhiêu xăng-ti-mét?
A. 5cm B. 2cm C. 20cm D. 50cm
- d) Hiệu hai số là 12. Nếu số lớn giảm đi 5 lần thì được số bé. Vậy số lớn là:
A. 10 B. 20 C. 45 D. 15

Phần I: Tự luận

Bài 2: Tìm x:

a) $x \times \frac{2}{3} + \frac{1}{2} = \frac{7}{8}$

.....
.....
.....

b) $4 - x \times \frac{3}{4} = \frac{5}{6}$

.....
.....
.....

Bài 3: Một thửa ruộng hình chữ nhật đo trên bản đồ tỉ lệ 1 : 500 có chiều dài 15cm, chiều rộng 10cm. Hỏi diện tích thửa ruộng đó là bao nhiêu mét vuông?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 4: Ba kho thóc có tất cả 765 tấn. Số thóc trong kho thứ nhất bằng $\frac{1}{4}$ số thóc trong kho thứ hai. Kho thứ ba có số thóc bằng $\frac{2}{9}$ tổng số thóc của cả ba kho. Hỏi mỗi kho có bao nhiêu tấn thóc?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 5: Ba tấm vải có tổng chiều dài là 234m, biết $\frac{2}{3}$ độ dài tấm vải thứ nhất bằng $\frac{3}{5}$ độ dài tấm vải thứ hai và bằng $\frac{6}{7}$ độ dài tấm vải thứ ba. Hỏi mỗi tấm vải dài bao nhiêu mét?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 6: Một cái bảng hình chữ nhật có chiều dài 3m và chiều rộng 2m. Em hãy vẽ cái bảng ấy với tỉ lệ bản đồ 1 : 50.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên:.....

Ngày.....tháng.....năm.....



PHIẾU ÔN TẬP SỐ 13

Phần I: Trắc nghiệm

Bài 1: Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng:

a) Số gồm 7 trăm nghìn, 8 nghìn và 4 đơn vị là:

A. 784 B. 700 804 C. 708 040 D. 708 004

b) Giá trị của chữ số 8 trong số 23 897 543 là:

A. 8 B. 800 C. 800 000 D. 8000

c) Trong các số 92885; 20383; 99200; 1800, số chia hết cho cả 2, 5 và 9 là:

A. 92885 B. 20383 C. 99200 D. 1800

d) Số chẵn lớn nhất có 3 chữ số khác nhau là:

A. 986 B. 978 C. 864 D. 987

Phần II: Tự luận

Bài 2: Đặt tính rồi tính:

a) $7685 + 8977$ b) $7850 - 4988$ c) 832×208 d) $9823 : 24$

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 3: Tìm x biết:

a) $x \times 25 + 9088 = 19088$

b) $1980 : x - 99 = 33$

.....
.....
.....
.....

.....
.....
.....
.....

Bài 4: Tổng số sách ở hai ngăn là 108 quyển. Nếu chuyển 8 quyển từ ngăn I sang ngăn II thì số sách ở hai ngăn bằng nhau. Tính số sách ở mỗi ngăn.

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 5: Cả ba kho chứa tất cả 120 tấn thóc. Số thóc kho A kém tổng số thóc của kho B và kho C là 30 tấn. Số thóc kho B nhiều hơn kho C là 5 tấn. Tính số thóc ở mỗi kho.

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 6: Lớp của Minh có 28 bạn học sinh và xếp thành một hàng. Minh thấy rằng số bạn đứng trước mình bằng một nửa số bạn đứng sau mình. Hỏi Minh đứng vị trí thứ mấy trong hàng?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên:.....

Ngày.....tháng.....năm.....



PHIẾU ÔN TẬP SỐ 14

Phần I: Trắc nghiệm

Bài 1: Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

a) Dãy phân số nào sau đây chứa ba phân số bằng nhau?

A. $\frac{1}{2}; \frac{2}{4}; \frac{3}{4}$

B. $\frac{3}{4}; \frac{6}{8}; \frac{6}{16}$

C. $\frac{2}{4}; \frac{4}{8}; \frac{8}{32}$

D. $\frac{2}{4}; \frac{3}{6}; \frac{4}{8}$

b) Rút gọn phân số $\frac{18}{24}$ ta được phân số tối giản là:

A. $\frac{9}{12}$

B. $\frac{6}{8}$

C. $\frac{3}{4}$

D. $\frac{2}{3}$

c) Giá trị của biểu thức $\frac{1}{2} + \frac{1}{4} \times 3$ là:

A. $\frac{5}{4}$

B. $\frac{9}{4}$

C. $\frac{4}{4}$

D. $\frac{9}{12}$

d) Dãy phân số nào sau đây được viết theo thứ tự từ bé đến lớn?

A. $\frac{1}{2}; \frac{1}{3}; \frac{3}{8}$

B. $\frac{1}{3}; \frac{1}{2}; \frac{3}{8}$

C. $\frac{1}{3}; \frac{3}{8}; \frac{1}{2}$

D. $\frac{3}{8}; \frac{1}{3}; \frac{1}{2}$

Phần II: Tự luận

Bài 2: a) Đặt tính rồi tính:

254 x 25

7623 : 25

b) Tính:

$\frac{3}{8} \times \frac{2}{6} : \frac{3}{7}$

$\frac{5}{7} : \frac{7}{3} \times \frac{4}{9}$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3: Một hình chữ nhật có chiều dài là $\frac{4}{5}$ m, chiều rộng là $\frac{4}{7}$ m. Chu vi hình chữ nhật đó là bao nhiêu mét?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 4: Cho số $\overline{x14y}$. Tìm x, y để số đã cho chia hết cho 2, 5 và 9.

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 5: Mở hai vòi nước chảy vào bể. Vòi thứ nhất chảy được $\frac{2}{7}$ bể. Vòi thứ hai chảy được $\frac{1}{3}$ bể. Hỏi còn lại bao nhiêu phần bể chưa có nước?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 6: Cho một phân số, nếu thêm 28 đơn vị vào tử số của phân số đó ta được phân số mới có giá trị bằng 1. Biết trung bình cộng của mẫu số và tử số bằng 55. Tìm phân số đã cho.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên:.....

Ngày.....tháng.....năm.....



PHIẾU ÔN TẬP SỐ 15

Phần I: Trắc nghiệm

Bài 1: Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng:

a) Tính: $5 - \left(\frac{1}{9} + \frac{5}{18}\right)$

A. $\frac{75}{17}$

B. $\frac{83}{18}$

C. $\frac{103}{81}$

D. $\frac{114}{19}$

b) Tính: $\left(2 - \frac{1}{6}\right) : \frac{121}{8}$

A. $\frac{4}{33}$

B. $\frac{5}{32}$

C. $\frac{110}{73}$

D. $\frac{95}{6}$

c) Tìm x biết $x \times \frac{10}{11} + x \times \frac{4}{33} = \frac{68}{99}$

A. $\frac{2}{3}$

B. $\frac{4}{11}$

C. $\frac{5}{33}$

D. $\frac{34}{99}$

d) Trong các khoảng thời gian sau, khoảng thời gian nào là ngắn nhất?

A. 2400 giây

B. $\frac{2}{3}$ giờ

C. 30 phút

D. $\frac{1}{48}$ ngày

Bài 2: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 35 tấn =tạ

1200kg =yến

2 tấn 67kg =kg

b) $\frac{1}{2}$ kg =g

$\frac{5}{2}$ tấn =tạ

một tấn rưỡi =kg

c) 5 thế kỉ =năm

3 giờ =phút

1 giờ 2 phút =giây

d) $\frac{1}{3}$ giờ =phút

$\frac{4}{3}$ phút =giây

$\frac{2}{3}$ ngày =giờ

Phần II: Tự luận

Bài 3: Tính:

a) $\frac{1}{3} \times \frac{2}{5} - \frac{1}{60}$

.....
.....
.....

b) $\frac{2}{7} : \frac{8}{21} + \frac{4}{9}$

.....
.....
.....

Bài 4: Tính bằng cách thuận tiện nhất.

a) $\frac{3}{7} \times \frac{19}{12} + \frac{19}{12} \times \frac{4}{7}$

.....
.....
.....
.....

b) $\frac{38}{21} : \frac{2}{5} - \frac{17}{21} : \frac{2}{5}$

.....
.....
.....
.....

Bài 5: Người ta mở một vòi nước chảy vào bể chưa có nước. Giờ đầu chảy được $\frac{1}{3}$ bể; giờ thứ hai chảy được $\frac{2}{5}$ bể.

- a) Hỏi cả hai giờ vòi nước đó chảy được mấy phần của bể?
- b) Nếu giờ thứ ba chảy 2400 lít nước nữa thì đầy bể. Hỏi bể đó khi đầy chứa được bao nhiêu lít nước?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 6: Tính nhanh: $A = \left(1 - \frac{1}{2}\right) \times \left(1 - \frac{1}{3}\right) \times \left(1 - \frac{1}{4}\right) \times \dots \times \left(1 - \frac{1}{2014}\right)$

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên:.....

Ngày.....tháng.....năm.....



PHIẾU ÔN TẬP SỐ 16

Phần I: Trắc nghiệm

Bài 1: Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng:

a) $23\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$. Số điền vào chỗ chấm là:

- A. 230 B. 2300 C. $\frac{23}{100}$ D. 23

b) Một hình thoi có đường chéo thứ nhất bằng 16dm và đường chéo thứ hai bằng $\frac{3}{4}$ đường chéo thứ nhất. Diện tích hình thoi đó là:

- A. 96dm^2 B. 192dm^2 C. 12dm D. 12dm^2

c) Trung bình cộng của các số 2013; 2015; 2017; 2019 và 2021 là:

- A. 2012 B. 2021 C. 2017 D. 2015

d) Trung bình cộng của hai số là 24 và số thứ nhất bằng $\frac{1}{3}$ số thứ hai. Vậy hai số đó là:

- A. 6 và 8 B. 18 và 6 C. 36 và 12 D. 12 và 36

Bài 2: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) $20\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$; $2500\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$; $3\text{m}^2 4\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$;

b) $\frac{1}{2}\text{km}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$; $\frac{3}{4}\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$; $520000\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$;

Phần II: Tự luận

Bài 3: Tuổi trung bình của 11 cầu thủ bóng đá là 22 tuổi. Nếu không tính đội trưởng thì tuổi trung bình của những người còn lại là 21 tuổi. Hỏi đội trưởng bao nhiêu tuổi?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 4: Một đội gồm 9 ô tô tải chở hàng, 4 ô tô đầu chở được tất cả 36 tấn hàng và 5 ô tô sau chở được tất cả 54 tấn hàng. Hỏi trung bình mỗi ô tô chở được bao nhiêu tấn hàng?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 5: Một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi 96m và chiều dài hơn chiều rộng 8m.

- a) Tính diện tích thửa ruộng đó.
- b) Người ta trồng hoa $\frac{3}{4}$ diện tích thửa ruộng đó. Tính diện tích trồng hoa.

Bài giải

.....
.....
.....
.....

Bài 6: Tính diện tích hình **H** được tạo bởi hình chữ nhật ABCD và hình bình hành BCEF. Biết $AB = BH = 12\text{cm}$ và $AD = 18\text{cm}$.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

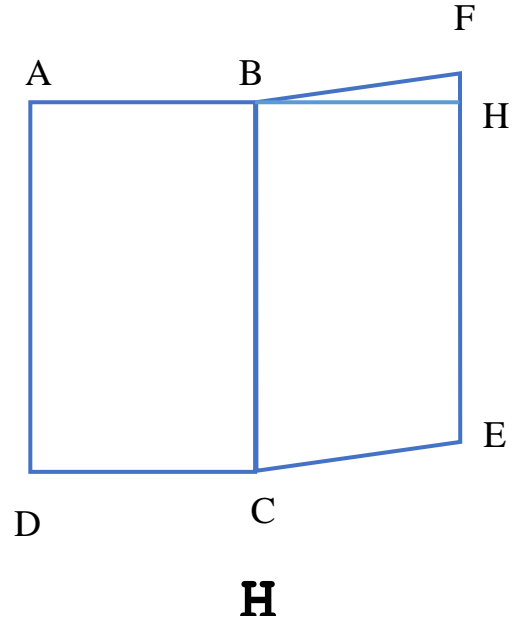
.....

.....

.....

.....

.....



Họ và tên:.....

Ngày.....tháng.....năm.....



PHIẾU ÔN TẬP SỐ 17

Phần I: Trắc nghiệm

Bài 1: Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng:

a) Giá trị của chữ số 5 trong số 2500024 là:

- A. 5 B. 500000 C. 5000 D. 5000000

b) Phân số chỉ số phần đã tô màu trong hình dưới đây là:



- A. $\frac{3}{2}$ B. $\frac{2}{5}$ C. $\frac{3}{5}$ D. 3

c) Năm 2010 cả nước ta kỉ niệm “Một nghìn năm Thăng Long – Hà Nội”. Như vậy thủ đô Hà Nội thành lập năm nào và thuộc thế kỉ bao nhiêu?

- A. Năm 1000 thế kỉ X C. Năm 1010 thế kỉ X
B. Năm 1010 thế kỉ XI D. Năm 2014 thế kỉ XXI

d) Mẹ sinh con năm 27 tuổi. Biết 3 năm nữa tuổi con bằng $\frac{1}{4}$ tuổi mẹ. Hỏi năm nay con bao nhiêu tuổi?

- A. 9 tuổi B. 12 tuổi C. 10 tuổi D. 6 tuổi

Bài 2: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 20kg =yến; 2400 giây =phút; 51m² =.....dm²

b) $\frac{1}{4}$ thế kỉ =năm; $\frac{3}{5}$ m =.....cm; $\frac{1}{3}$ ngày =giờ

Phần II: Tự luận

Bài 3: Tính:

Hotline: 0979 696 333

a) $\frac{5}{6} + \frac{7}{12} = \dots\dots\dots;$

b) $\frac{9}{16} - \frac{3}{8} = \dots\dots\dots;$

c) $\frac{4}{7} \times \frac{5}{8} = \dots\dots\dots;$

d) $\frac{3}{5} : \frac{2}{3} = \dots\dots\dots$

Bài 4: Một cửa hàng bán 96 hộp bánh và kẹo, trong đó số hộp bánh bằng $\frac{3}{5}$ số hộp kẹo. Hỏi cửa hàng bán được bao nhiêu hộp mỗi loại?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 5: Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài hơn chiều rộng 20m và chiều dài bằng $\frac{5}{3}$ chiều rộng. Người ta trồng lúa trên thửa ruộng đó và trung bình cứ 100m² thu được 60kg thóc. Hỏi trên cả thửa ruộng người ta thu được bao nhiêu tạ thóc?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 6: Trung bình cộng của ba số bằng 90, biết số thứ nhất bằng $\frac{1}{4}$ số thứ hai và số thứ hai bằng $\frac{4}{5}$ số thứ ba.

a) Tính tổng của ba số đó.

b) Tìm mỗi số.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 7: Tính bằng cách thuận tiện nhất: $\frac{3}{4} \times \frac{8}{9} \times \frac{15}{16} \times \frac{24}{25} \times \frac{35}{36}$.

.....

.....

.....

.....

Bài 8: Một mảnh đất hình thoi có tổng độ dài hai đường chéo là 32m. Tỉ số giữa hai đường chéo là $\frac{7}{9}$. Tính diện tích mảnh đất đó.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....